



60 NĂM TRUYỀN THỐNG VẼ VANG
(8/3/1960 - 8/3/2020)

FRIEDRICH
EBERT
STIFTUNG

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA
**ĐẢM BẢO QUYỀN THAM CHÍNH CỦA PHỤ NỮ
TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

MỤC LỤC

| | |
|---|-----|
| BÁO CÁO ĐỀ DẪN HỘI THẢO QUỐC GIA “BẢO ĐẢM QUYỀN THAM CHÍNH CỦA PHỤ NỮ | 7 |
| TS. Lương Văn Tuấn | |
| QUYỀN THAM CHÍNH CỦA PHỤ NỮ | 10 |
| PGS.TS. Nguyễn Văn Cừ & TS. Nguyễn Văn Hợi | |
| THAM CHÍNH CỦA PHỤ NỮ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM | 24 |
| GS. TS. Nguyễn Đăng Dung | |
| CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN THAM CHÍNH CỦA PHỤ NỮ VÀ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN MỘT CÁCH BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY | 30 |
| GS.TS. Hoàng Thị Kim Quế & TS. Lê Thị Phương Nga | |
| CHỈ TIÊU THAM CHÍNH CỦA PHỤ NỮ TRÊN THẾ GIỚI VÀ Ở VIỆT NAM: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN | 41 |
| PGS.TS Vũ Công Giao & ThS. Nguyễn Anh Đức | |
| HƯỚNG TỚI HIỆN THỰC HÓA QUYỀN THAM CHÍNH CỦA PHỤ NỮ | 52 |
| TS. Vương Thị Hạnh | |
| BẦU CỬ VÀ QUYỀN BẦU CỬ CỦA PHỤ NỮ | 64 |
| TS. Trần Nho Thìn & ThS. Đỗ Trọng Tuấn | |
| QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ TUỔI NGHỈ HƯU TÁC ĐỘNG ĐẾN QUYỀN THAM CHÍNH CỦA PHỤ NỮ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY | 80 |
| PGS.TS. Lê Thị Hoài Thu & ThS. Hà Thị Hoa Phượng | |
| QUYỀN THAM CHÍNH CỦA PHỤ NỮ VIỆT NAM HIỆN NAY TIẾP CẬN TỪ GÓC ĐỘ QUYỀN CON NGƯỜI | 90 |
| TS. Nguyễn Bình An | |
| KHOẢNG TRỐNG GIỮA CHÍNH SÁCH VÀ THỰC THI CHÍNH SÁCH BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM | 98 |
| ThS. Phan Thuận | |
| BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ TẠI VIỆT NAM | 114 |
| ThS. Đặng Thị Tố Uyên | |
| THỰC TRẠNG NỘI LUẬT HOÁ CÁC CAM KẾT BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ TẠI VIỆT NAM | 124 |
| ThS. Trương Thị Điệp | |

| | |
|---|-----|
| QUYỀN THAM CHÍNH CỦA PHỤ NỮ CÓ BỊ GIỚI HẠN? | 132 |
| ThS. NCS. Lê Quỳnh Mai | |
| BẢO ĐẢM QUYỀN THAM CHÍNH CỦA PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM | 139 |
| ThS. Nguyễn Thanh Tùng | |
| RÀO CẢN VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NỮ TRÍ THỨC VIỆT NAM TRONG SỰ NGHIỆP BÌNH ĐẲNG GIỚI | 148 |
| PGS.TS Nguyễn Thị Báo | |
| NHỮNG THÁCH THỨC TRONG ĐẢM BẢO QUYỀN THAM CHÍNH CỦA PHỤ NỮ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ THEO CÔNG ƯỚC CEDAW VÀ TIẾN TRÌNH NỘI LUẬT HÓA TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM | 157 |
| TS. Nguyễn Thị Hồng Yến & NCS.ThS. Đỗ Quý Hoàng | |
| NÂNG CAO VAI TRÒ THAM CHÍNH CỦA PHỤ NỮ TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC | 177 |
| ThS. Hoàng Thị Kiều Trang | |
| ĐẢM BẢO QUYỀN THAM CHÍNH CỦA PHỤ NỮ NÔNG THÔN Ở NƯỚC TA HIỆN NAY | 182 |
| ThS. Lưu Trần Phương Thảo | |
| PHỤ NỮ THAM CHÍNH - CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY | 187 |
| Nguyễn Thị Thùy Dung | |
| THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG SỰ THAM GIA CỦA PHỤ NỮ TRONG HOẠT ĐỘNG LẬP PHÁP | 195 |
| ThS. Nguyễn Tiến Đạt | |
| MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG THAM CHÍNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY | 204 |
| ThS. Phạm Thị Giang Thùy | |
| PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG XÂY DỰNG PHÁP LUẬT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY | 211 |
| TS. Dương Thị Tươi | |
| NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM TRONG ĐẢM BẢO QUYỀN THAM CHÍNH CỦA PHỤ NỮ - MỘT SỐ KINH NGHIỆM TỪ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG | 219 |
| ThS. Nông Thị Phương Thu | |
| PHỤ NỮ THAM CHÍNH TRONG CÁC VẤN ĐỀ QUẢN LÝ KINH TẾ Ở VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ KHUYẾN NGHỊ | 227 |
| Huỳnh Tấn Toàn | |

| | | |
|-----|--|-----|
| 132 | NHỮNG RÀO CẢN ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ BẢO ĐẢM QUYỀN THAM CHÍNH CỦA PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY | 234 |
| | ThS. Mai Thị Diệu Thúy | |
| 139 | THỰC TRẠNG THAM CHÍNH CỦA PHỤ NỮ TẠI THÁI NGUYÊN | 245 |
| | ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai | |
| 48 | SỰ THAM GIA CỦA NỮ SINH VIÊN VÀO TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI VIỆT NAM (TRƯỜNG HỢP ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH) | 253 |
| | PGS.TS Nguyễn Thường Lạng & Trần Thị Mỹ Lộc | |
| 57 | THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA LÃNH ĐẠO NỮ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP TRONG KỶ NGUYÊN CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 | 266 |
| | TS. Lê Văn Sơn | |
| 77 | ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG TỪ YẾU TỐ THỂ CHẾ ĐẾN THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY | 274 |
| | TS. Nguyễn Thị Tố Uyên | |
| 82 | TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI TẠI TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU | 283 |
| | ThS. Nguyễn Hương Quế | |
| 87 | TẠO DỰNG KHÔNG GIAN XÃ HỘI ĐỂ PHỤ NỮ VIỆT NAM THỰC HIỆN QUYỀN THAM CHÍNH - SỰ CẦN THIẾT VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU | 303 |
| | TS. Ngô Thị Huyền | |
| 95 | TRÁCH NHIỆM NÂNG CAO TỈ LỆ PHỤ NỮ THAM CHÍNH Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY | 311 |
| | TS. Lương Văn Tuấn, CN. Nguyễn Thị Hoan & CN. Nguyễn Thành Hiếu | |
| 104 | PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC NỮ THAM CHÍNH LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN | 321 |
| | TS. Trần Thị Thu Hiền | |

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG THAM CHÍNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

ThS. Phạm Thị Giang Thùy

Tóm tắt

Nhận thức được vai trò của thực hiện bình đẳng giới, trong suốt quá trình lãnh đạo của mình Đảng Cộng sản Việt Nam luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến phụ nữ, coi phụ nữ là nguồn lực qua trọng, thực hiện bình đẳng giới là nhiệm vụ mang tính chiến lược của cách mạng Việt Nam. Mặc dù vẫn còn những hạn chế nhưng những kết quả đạt được trong quá trình thực hiện bình đẳng giới Việt Nam trong thời gian qua đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người ở Việt Nam nói riêng và nhân loại nói chung... Bài viết kế thừa và phát triển, kết quả nghiên cứu các vấn đề: Thực trạng về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị Việt Nam hiện nay; đề xuất một số giải pháp chủ yếu.

Từ khoá: Phụ nữ và bình đẳng giới, thực trạng, giải pháp, tham chính

Abstract

Recognizing the role of gender equality implementation, during its leadership, the Communist Party of Vietnam always pays special attention to women. The Communist Party of Vietnam considers women an important resource and the implementation of equality gender are strategic tasks of the Vietnamese revolution. Although there are still limitations/many limitations remain, the achievements of gender equality in Vietnam have contributed significantly to the cause of national liberation, class liberation, human liberation in Vietnam in particular and all over the world in general. The paper inherits and develops the results of research on the current situation of gender equality in the field of politics in Vietnam, proposing some major solutions and concluding, etc.

Keywords: Women and gender equality, reality, solutions, and political participation.

1. Đặt vấn đề

Để đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ, thì không chỉ nhất quán về quan điểm, tư tưởng, mà cần phải có một hệ giải pháp đồng bộ và khả thi, gắn liền với nâng cao nhận thức, mới nội dung và phương thức phát huy tiềm năng phụ nữ; hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý sử dụng nhân lực nữ theo hướng loại trừ bất bình đẳng giới trong quan hệ gia đình, xã hội, cơ quan tổ chức và mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đồng thời bản thân chị em phụ nữ phải có quyết tâm cao, học tập nâng cao tri thức, rèn luyện kỹ năng không ngừng vươn lên.

2. Thực trạng về phụ nữ và bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam

2.1. Chủ trương của Đảng và Nhà nước Việt Nam về bình đẳng giới của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị

Theo Luật bình đẳng giới của Việt Nam, tại điểm 3, điều 5, năm 2006 đã khẳng định: Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng

¹ Đại học Văn hiến

của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó. Tuy nhiên, cũng cần phải hiểu bình đẳng giới là một nội dung của bình đẳng xã hội, khi phụ nữ và nam giới có được vị trí xã hội như nhau, các khác biệt tự nhiên giữa họ đều được tôn trọng. Sự phát triển toàn diện của mỗi người (nam cũng như nữ) được xem là điều kiện phát triển, tiến bộ của xã hội. Sự bình đẳng không chỉ được ghi nhận trong luật pháp mà còn được đảm bảo trong thực tế cuộc sống thông qua các đối xử đặc biệt dành cho phụ nữ.

Thấm nhuần quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ, thực hiện bình đẳng nam nữ, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã rất chú trọng tới công tác phụ nữ. Ngay khi ra đời, Đảng ta sớm xác định nam nữ bình quyền là một trong 10 nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng Việt Nam. Từ đó đến nay, Đảng luôn đề cao vai trò của phụ nữ và đã ban hành nhiều nghị quyết chuyên đề về công tác phụ nữ, như: Nghị quyết số 152-NQ/TW ngày 10-1-1967 về một số vấn đề tổ chức lãnh đạo công tác phụ vận; Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 12-7-1993 về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới; Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 16-5-1994 về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới. Đặt biệt Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 27-4-2007 về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước xác định: “Xây dựng, phát triển vững chắc đội ngũ cán bộ nữ tương xứng với vai trò to lớn của phụ nữ là yêu cầu khách quan, là nội dung quan trọng trong chiến lược công tác cán bộ của Đảng”, thể hiện cụ thể trong việc xây dựng và thực hiện Đề án tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ trong tình hình mới (Thông báo số 196-TB/TW ngày 16-3-2015).

Tại Đại hội XII, Đảng ta xác định phải “nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ; thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển tài năng. Nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện luật pháp và chính sách đối với lao động nữ, tạo điều kiện và cơ hội để phụ nữ thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của mình trong gia đình và xã hội” (Đảng cộng sản Việt Nam, 2016, tr.163).

Về phía Nhà nước, địa vị pháp lý của phụ nữ Việt Nam đã được quy định trong Hiến pháp 1946: “Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện” (Điều 9); “Mọi công dân đều bình đẳng về quyền trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa” (Điều 6) và “Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật” (Điều 7)... Luật Bình đẳng giới (2006) xác định: Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàndiện, phát huy vai trò trong xã hội. Bộ Luật nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới và xác định 8 lĩnh vực cần tập trung thực hiện bình đẳng giới là: chính trị, kinh tế, giáo dục - đào tạo, y tế, gia đình, khoa học và công nghệ, văn hóa thông tin, thể dục thể thao. Trong đó, bình đẳng giới trong chính trị (Điều 11) gồm: bình đẳng trong tham gia quản lý nhà nước, hoạt động xã hội; trong tham gia xây dựng và thực hiện quy ước của cộng đồng hoặc quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức; trong việc tự ứng cử đại biểu quốc hội, HĐND, ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Nam nữ bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo các cơ quan, tổ chức.

Trong thực tế, việc hiện thực hóa bình đẳng giới được quán triệt mạnh mẽ. Chỉ riêng trong lĩnh vực trao quyền cho phụ nữ, các văn bản chỉ đạo của Trung ương và các cấp ủy địa phương, ngành đưa ra quy định về tỷ lệ “không dưới” và tinh thần “nhất thiết có” thành phần phụ nữ trong mỗi tổ chức

thuộc hệ thống chính trị. Đặc biệt là Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị đã cụ thể những tiêu n cho bình đẳng giới trong chính trị như: Phần đầu đến năm 2020, cán bộ nữ tham gia cấp ủy các cấp 25% trở lên, nữ đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp đạt 35-40%. Các cơ quan đơn vị tỷ lệ nữ 30% trở lên nhất thiết phải có lãnh đạo chủ chốt là nữ. Cơ quan lãnh đạo cấp cao của Đảng Quốc hội, Nhà nước, Chính phủ có tỷ lệ nữ phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới. Cần bảo đảm tỷ lệ nữ tham gia các khóa đào tạo lý luận chính trị, quản lý hành chính nhà nước đạt 30% trở lên.

2.2. Thực trạng phụ nữ tham chính ở Việt Nam

Những năm qua, thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, cùng với việc nâng cao nhận thức công tác phụ nữ và bình đẳng giới trên mọi lĩnh vực, những nỗ lực thực hiện bình đẳng trong lĩnh vực chính trị ở nước ta đã đạt được một số kết quả tích cực:

Trong chỉ đạo, sự thống nhất quan điểm từ Trung ương đến các bộ, ban, ngành, địa phương định hướng mục tiêu bảo đảm cơ cấu nữ đã mang lại cơ hội cho cán bộ nữ tham gia vào bộ máy lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị. Trong tổ chức thực hiện, ngoài bảo vệ quyền bình đẳng giới các chính sách ưu tiên được vận dụng, góp phần động viên, tạo điều kiện cho cán bộ nữ phấn đấu trưởng thành. Đa số các địa phương khi bố trí, phân công nhiệm vụ chuyên môn, cán bộ nữ được ưu tiên ở những vị trí phù hợp với sở trường, sức khỏe. Khi đào tạo chuẩn hóa chức danh quy hoạch cán bộ nữ (nhất là những người đang nuôi con nhỏ), được đề đạt nguyện vọng, chủ động lựa chọn thời điểm đi đào tạo, được hỗ trợ thêm kinh phí so với chế độ chung.

Kết quả bầu cử cấp ủy viên cơ sở nhiệm kỳ 2015-2020 cho thấy sự thành công trong công tác cán bộ nữ ở cấp cơ sở, với 19,07% nữ, tăng so với nhiệm kỳ trước (18,1%) và vượt mức yêu cầu của Trung ương (15%), một số địa phương vượt xa, như: TP. Hồ Chí Minh (30,27%), Trà Vinh (28,52%), Bình Dương (27,1%), Thái Nguyên (24,86%), Lạng Sơn (23,53%), Đà Nẵng (23,69%). Ở cấp trên trực tiếp cơ sở, tuy tỷ lệ cấp ủy viên nữ chỉ đạt 14,3% nhưng cũng đã tăng so với nhiệm kỳ trước 0,3%, và đã có 25 đảng bộ tỉnh, thành vượt mức trung bình chung (15%), trong đó vượt là thành phố Hồ Chí Minh (25%), Bình Dương (24%), Lạng Sơn (21%), Bắc Cạn (19,8%), Tuyên Quang (19%) (Nguyễn Văn Tùng, 2015).

Kết quả bầu cử cấp ủy cấp tỉnh có 466 nữ (13,3%) tham gia ban chấp hành, tăng 1,9% so với nhiệm kỳ trước; 21 đảng bộ có tỷ lệ cấp ủy viên nữ đạt trên 15% (nhiệm kỳ trước chỉ có 10 đảng bộ đạt). Trong ban thường vụ cấp ủy tỉnh, có 104 nữ (10,75%, cao hơn 2,9% so với đầu nhiệm kỳ trước), trong đó 7 đảng bộ có tỷ lệ nữ trên 15% (4). 18/63 cấp ủy tỉnh có nữ phó bí thư, 4/63 tỉnh có nữ bí thư. Ở cấp Trung ương, có 20 nữ Ủy viên Trung ương Đảng (10%), trong đó 3 nữ là Ủy viên Bộ Chính trị (15,8%).

So sánh kết quả bầu cử HĐND các cấp khóa 2016-2021 với các khóa trước đều thấy có sự tăng tỷ lệ là nữ, cụ thể: cấp xã: 26,59% (tăng 5,86%), cấp huyện: 27,5% (tăng 2,89%), cấp tỉnh: 26,56% (tăng 1,19%);

Trong Quốc hội, tỷ lệ nữ Khóa XI: 27,31%, Khóa XII: 25,76%, Khóa XIII: 24,4% và Khóa XIV: 26,7%. Đặc biệt tại Quốc hội khóa XIV đã có nữ Chủ tịch Quốc hội đầu tiên tại Việt Nam.

Văn hóa là nền tảng để con người tham gia và thực hiện quyền công dân của mình. Từ pháp đầu tiên (1946) đến hiến pháp 1992 của Nhà nước Việt Nam đều khẳng định Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Với phương châm, giáo dục là quốc sách hàng đầu, hiện nay hệ thống

ĐẢM BẢO QUYỀN THAM CHÍNH CỦA PHỤ NỮ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

giáo dục quốc dân đã được xây dựng tương đối hoàn chỉnh và thống nhất; mở rộng về quy mô và bước đầu đa dạng hóa loại hình và phương thức đào tạo, tạo nhiều cơ hội cho người dân trong đó có phụ nữ tham gia học tập. Ngày càng nhiều tập thể và cá nhân các nhà khoa học nữ có công trình nghiên cứu được nhận giải thưởng VIFOTEC của Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Bằng lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam, Giải thưởng Kô-va-lép-xkai-a... Nhiều nhà khoa học nữ đã lập ra các hội nghề nghiệp, các câu lạc bộ, trung tâm nghiên cứu, tư vấn để tiếp tục phát huy trí tuệ, tài năng của mình đóng góp vào sự nghiệp phát triển đất nước.

Trong lĩnh vực gia đình, Hệ quả của sự chuyển biến về kinh tế - xã hội là những thay đổi lớn lao trong đời sống gia đình Việt Nam. Công việc của phụ nữ được các thành viên trong gia đình chia sẻ; vị thế của phụ nữ được cải thiện đáng kể; quyền quyết định của phụ nữ gần tương đương với nam giới và trở thành một chủ thể quan trọng trong đời sống gia đình. Họ không chỉ tham gia vào mọi lĩnh vực hoạt động của gia đình mà còn thay mặt gia đình tham gia hoạt động cộng đồng hay giao tiếp với các thiết chế xã hội khác, hoàn toàn với tư cách chủ gia đình, điều mà trước đây chưa hề có. Như vậy, rõ ràng là vai trò của phụ nữ ngày càng không thể thiếu trong quá trình đổi mới đất nước.

Theo đánh giá của Liên Hợp Quốc, bình đẳng giới ở Việt Nam là điểm sáng trong việc thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ. Hiện nay, trên tất cả các lĩnh vực đều có sự cống hiến của nữ giới. Tuy tuyệt đại bộ phận các cơ quan lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước ở các cấp đều có tỷ lệ nam giới cao hơn, song chất lượng, hiệu quả, uy tín của cán bộ nữ đã ngày càng chứng tỏ nỗ lực cá nhân phụ nữ cũng như vai trò của các cấp, các ngành trong quá trình thực hiện bình đẳng giới.

Bên cạnh những kết quả tích cực trên, công tác bình đẳng giới ở nhiều nơi, trên khá nhiều lĩnh vực ở nước ta còn hạn chế. “Khoảng cách giới và bất bình đẳng giới vẫn tồn tại và phần lớn nghiêng về phía phụ nữ. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phụ nữ tham gia vào các vị trí quản lý, lãnh đạo theo Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27-4-2007 của Bộ Chính trị là không đạt kế hoạch và có xu hướng giảm” (Đảng cộng sản Việt Nam, 2015).

Cách đây 5 năm, nếu như chênh lệch giới tính trong sinh viên các trường cao đẳng, đại học là không đáng kể (49,03% nữ và 50,07% nam, chênh lệch 1,04%), thì hiện nay khi xét tương quan với thị trường lao động, tỷ lệ lao động nữ (48,7%) đã giảm so với lao động nam (51,3%). (Tổng cục thống kê, 2012).

Kết quả bầu cử HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011-2016, chỉ có 31% ứng viên nữ so với 69% ứng viên nam, chênh lệch 37%. Kết quả bầu cử càng tạo nên chênh lệch lớn hơn khi ở địa phương chỉ có 26% nữ nắm giữ các vị trí trong HĐND, chênh lệch so với nam 48%; trong đó chỉ 3% là nữ chủ tịch HĐND, chênh lệch 94%. Ở cấp Trung ương, hiện chỉ có 24,4% nữ so với 75,6% nam là đại biểu Quốc hội, chênh lệch 51,2%; 9% nữ so với 91% nam là ủy viên Trung ương Đảng, chênh lệch 82%. Bầu cử trong đại hội Đảng cấp trên trực tiếp cơ sở nhiệm kỳ 2016-2020, toàn Đảng không đạt mục tiêu “không dưới 15%” cấp ủy viên nữ.

**Nguyên nhân của tình trạng trên được nhìn nhận ở các chiều cạnh sau:*

Về phía xã hội, tư tưởng “trọng nam khinh nữ” tồn tại sâu đậm trong cộng đồng, trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, cả nam và nữ, những người có quyền đánh giá, quyết định đến công tác cán bộ nữ; sự nỗ lực của từng cá nhân phụ nữ chưa hết mình; những áp lực từ thiên chức làm mẹ, làm vợ.

Dưới góc độ công tác tổ chức - cán bộ, thể hiện ở sự nhận thức và quyết tâm chưa cao của cấp ủy đảng, dẫn đến quan điểm chỉ đạo tuy nhất quán nhưng tổ chức thực hiện thì hình thức, không có chế tài gắn trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy với kết quả thực hiện mục tiêu bình đẳng giới trong công tác cán bộ. “Một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ, chưa dành sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đúng mức cho công tác này. Sự phối hợp giữa các ngành trong việc triển khai thực hiện bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ chưa chặt chẽ và thiếu đồng bộ. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ còn nhiều hạn chế” (Trần Thị Bạch Yến, 2018).

3. Giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả chiến lược bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam

Tăng tỷ lệ đại biểu phụ nữ tham chính, không chỉ là yêu cầu của Đảng, mà còn là mong muốn của giới nữ, của cả xã hội. Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách, điều luật để thuận lợi nhằm nâng cao tỷ lệ phụ nữ tham gia hoạt động chính trị nói chung, Quốc hội và Hội đồng nhân dân nói riêng. Tuy tỷ lệ phụ nữ tham chính đã tăng lên so với trước nhưng vẫn chưa tương xứng tiềm năng của phụ nữ. Để mang lại quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ, Tác giả đề xuất một số vấn đề sau:

Một là, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới tới mọi tầng lớp nhân dân và bản thân người phụ nữ. Xây dựng và triển khai các hoạt động tuyên truyền, các mô hình về bình đẳng giới phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Triển khai thực hiện Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới với chủ đề “Chủ động phòng, chống bạo lực, xâm hại phụ nữ và trẻ em” nhằm tạo nên đợt cao điểm về tuyên truyền và thu hút sự quan tâm của cá nhân, gia đình, cộng đồng, cơ quan, tổ chức trong việc phòng, chống bạo lực và xâm hại phụ nữ và trẻ em gái.

Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, nhất là phát huy vai trò của người đứng đầu cơ quan, địa phương trong thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới; bố trí, phân công công tác đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo đúng quy định về bình đẳng giới.

Hai là, hoàn thiện và thực thi chính sách, pháp luật về bình đẳng giới; tổ chức triển khai thực hiện các văn bản liên quan về công tác bình đẳng giới và phụ nữ như: Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới; Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội.

Ban hành hướng dẫn thực hiện quy định của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 đối với các trường hợp lao động nữ nghỉ hưu từ ngày 01/01/2018 phù hợp với tình hình thực tế.

Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới quốc gia đảm bảo tính khả thi, hiệu quả.

ĐẢM BẢO QUYỀN THAM CHÍNH CỦA PHỤ NỮ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Nghiên cứu, ban hành các chính sách nhằm tạo điều kiện và khuyến khích phụ nữ tự trau dồi, nâng cao trình độ và tham gia tích cực vào các hoạt động của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Ba là, chú trọng tạo nguồn cán bộ nữ và bảo đảm chất lượng thực sự. Trong các tổ chức Đảng, mỗi cấp ủy viên phải có trách nhiệm phát hiện, đánh giá, giới thiệu nguồn cán bộ nữ để đưa vào quy hoạch, bảo đảm tỷ lệ nữ trong quy hoạch phải tương ứng với tỷ lệ nhân lực nữ và tỷ lệ đảng viên nữ trong cơ quan, đơn vị. Việc đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí sử dụng cán bộ cũng phải tuân thủ cơ cấu tỷ lệ trên. Bên cạnh đó, cần có các chính sách chăm lo, ưu tiên để góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho cán bộ nữ trong quá trình phấn đấu.

Khi bố trí, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ phải chú ý đến tỷ lệ cán bộ nữ cho phù hợp. Với các cơ quan, đơn vị có tỷ lệ nữ từ 30% trở lên cần có cán bộ lãnh đạo là nữ. Nếu nguồn tại chỗ chưa có thì có thể luân chuyển, điều động cán bộ nữ nơi khác đến. Trong quá trình luân chuyển, điều động cần xem xét kỹ từng đối tượng và hoàn cảnh cụ thể để phát huy khả năng, thế mạnh của cán bộ.

Bốn là, nâng cao vị thế và trách nhiệm của Hội Liên hiệp phụ nữ, Ban Nữ công Công đoàn các cấp trong việc xây dựng và bảo vệ quyền lợi cho giới nữ. Các cấp ủy đảng cần xây dựng quy chế, nhất thiết phải lấy ý kiến của Hội Liên hiệp Phụ nữ hoặc Ban Nữ công Công đoàn trong quá trình thực hiện công tác cán bộ liên quan đến nữ. Đồng thời tạo điều kiện cho các tổ chức này đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động, để tiếng nói của họ có trọng lượng và để việc chăm lo, giáo dục, bảo vệ quyền lợi cho phụ nữ có hiệu quả.

Năm là, đẩy mạnh phát triển đời sống kinh tế - xã hội, nâng cao thu nhập cho cán bộ, công chức để phụ nữ có được điều kiện phát triển toàn diện. Nhà nước cần có chính sách phát triển và tổ chức tốt các dịch vụ công để phục vụ tốt hơn đời sống nhân dân, giúp phụ nữ giảm gánh nặng gia đình để tập trung sức lực, trí tuệ cho công tác, góp phần thiết thực vào việc thực hiện bình đẳng giới phụ nữ trên thực tế.

Sáu là, đẩy mạnh việc huy động nguồn lực trong nước và quốc tế dành cho công tác bình đẳng giới; trong việc bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và tăng cường kiểm tra việc thực hiện công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.

Bảy là, Việt Nam ngày càng hội nhập mạnh mẽ hơn với nền kinh tế, khoa học, công nghệ thế giới mà đặc biệt là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, thúc đẩy sự phát triển kinh tế tri thức, chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế và biến đổi sâu sắc các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong bối cảnh đó, nữ giới phải rèn cho mình ý chí quyết tâm cao; phải tích cực học tập nâng cao kiến thức và kỹ năng để không chỉ đáp ứng tác động của cuộc cách mạng 4.0, đồng thời góp phần cùng nhân loại thúc đẩy cuộc cách mạng này phát triển bền vững

4. Kết luận

Ở Việt Nam hiện nay, không lĩnh vực nào thiếu vắng sự cống hiến của nữ giới. Tuy nhiên, các con số thống kê cho thấy, dường như “giá trị xã hội” của nữ giới luôn thấp hơn so với nam. Để đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ, thì không chỉ nhất quán về quan điểm, chủ trương, mà cần phải có một hệ giải pháp đồng bộ và khả thi, gắn liền với nâng cao nhận thức, đổi mới nội dung và phương thức phát huy tiềm năng phụ nữ; hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý và sử dụng nhân lực

nữ theo hướng loại trừ bất bình đẳng giới trong quan hệ gia đình, xã hội, cơ quan, tổ chức và mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Việt Nam ngày càng hội nhập mạnh mẽ hơn với nền kinh tế, khoa học, công nghệ thế giới, nữ giới chiếm trên 50% dân số có vị trí rất quan trọng; đặc biệt là trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; lao động Việt Nam nói chung, nữ giới Việt Nam phải tích cực học tập nâng trí tuệ và kỹ năng để không chỉ đáp ứng tác động của cuộc cách mạng 4.0, đồng thời góp phần cùng nhân loại thúc đẩy cuộc cách mạng này phát triển bền vững./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng cộng sản Việt Nam. (2015). *Kết luận của Ban Bí thư về Đề án “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ trong tình hình mới”*.
2. Đảng cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia, tr.163.
3. *Kết quả bầu cử cấp ủy tại đại hội các đảng bộ trực thuộc Trung ương nhiệm kỳ 2015-2020*. (2015). Lấy từ <http://danvan.vn/Home/Tin-hoat-dong/Dia-phuong-don-vi/2148/Ket-qua-bau-cu-cap-uy-tai-dai-hoi-cac-dang-bo-truc-thuoc-Trung-uong-nhiem-ky-2015-2020>
4. Nguyễn Văn Tùng. (2015). *Từ đại hội đảng bộ cấp huyện và tương đương, tập trung chuẩn bị tốt đại hội đảng bộ cấp tỉnh*. Lấy từ <http://www.xaydungdang.org.vn/Home/Lyluan-Thuuctien-Kinhnghiem/2015/8684/Tu-dai-hoi-dang-bo-cap-huyen-va-tuong-duong-tap-trung.aspx>
5. Tổng cục Thống kê. (2012). *Niên giám thống kê 2012*, Hà Nội: Nxb Thống kê.
6. Trương Thị Bạch Yến. (2015). *Nỗ lực thực hiện mục tiêu bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị*. Lấy từ <https://www.moha.gov.vn/congtaccanbonu/binhdanggioi/no-luc-thuc-hien-muc-tieu-binh-dang-gioi-trong-linh-vuc-chinh-tri-38167.htm>